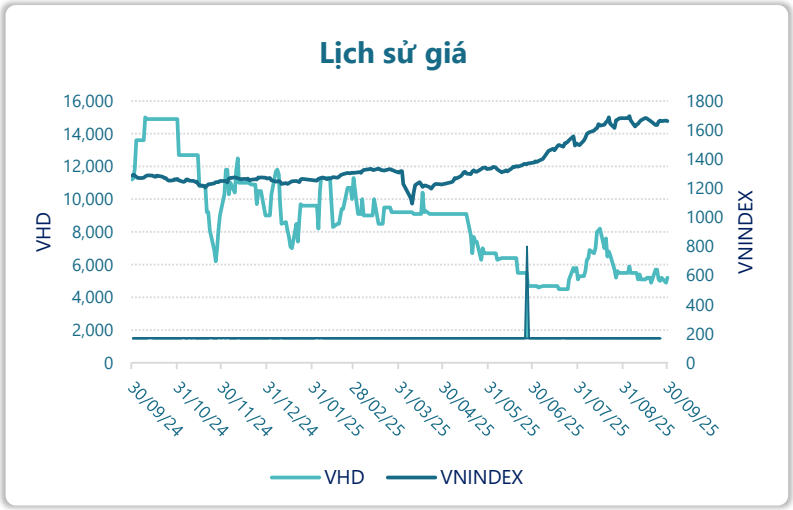
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinahud (UPCOM: VHD)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,500
SL cổ phiếu LH	38,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,690
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	198
P/E	-2.1
EPS	-2,535

DT thuần

Q3/25

7.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.04| 389%

YoY: ▼44.9| -85.5%

LN sau thuế

Q3/25

-22.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.7| 32.4%

YoY: ▲ 28.8| 56.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-7.0%

+/- YoY: ▲ 6.2%

DT thuần

9T 2025

29.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼142| -82.8%

LN sau thuế

9T 2025

-79.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 82.2| 50.6%

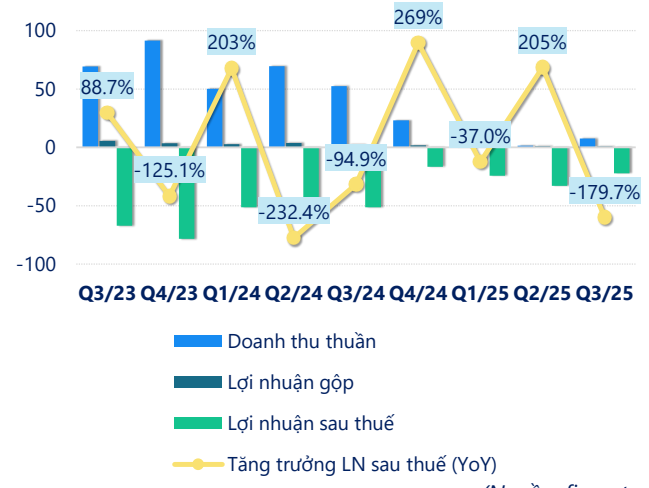
ROE

Q3/25

-202%

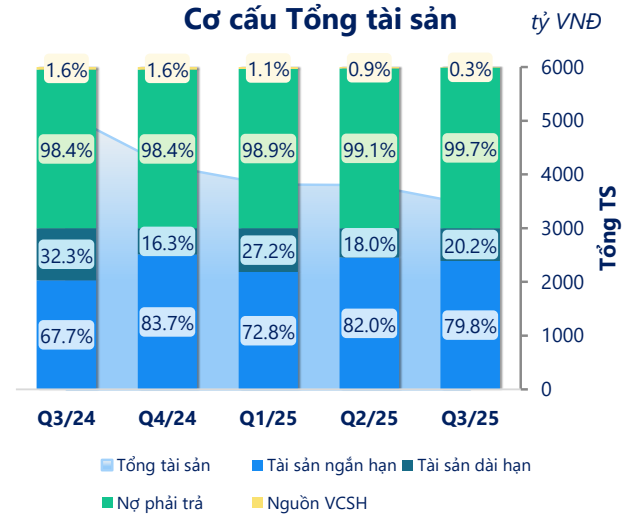
+/- YoY: ▼ 74.1%

Kết quả kinh doanh



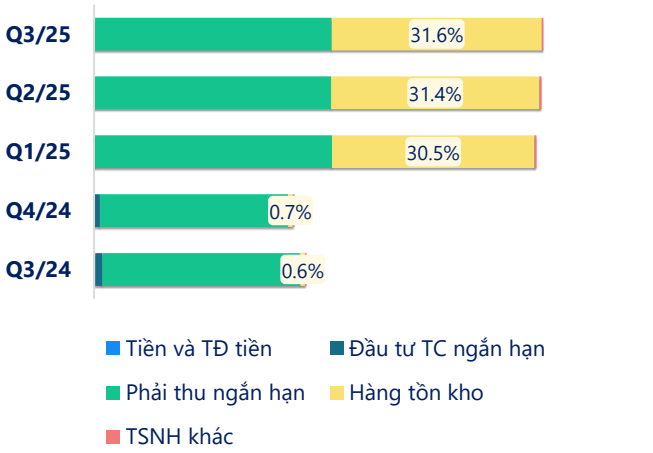
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



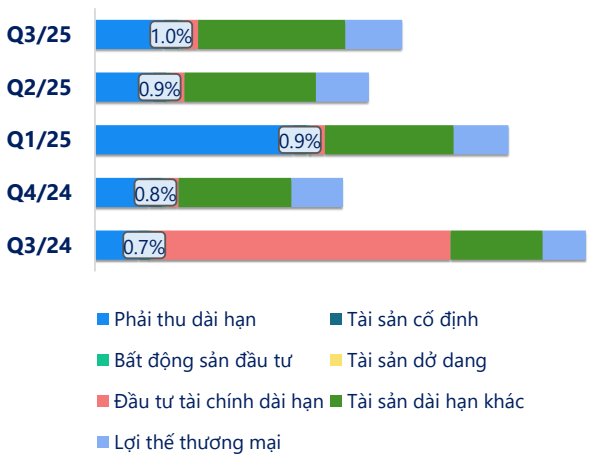
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



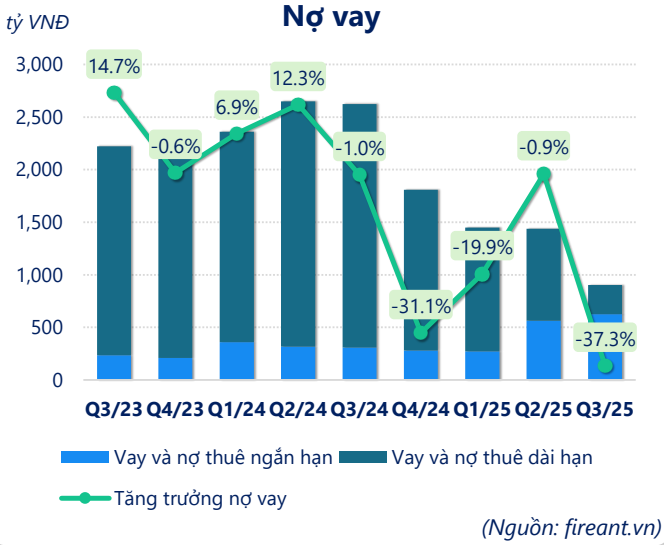
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



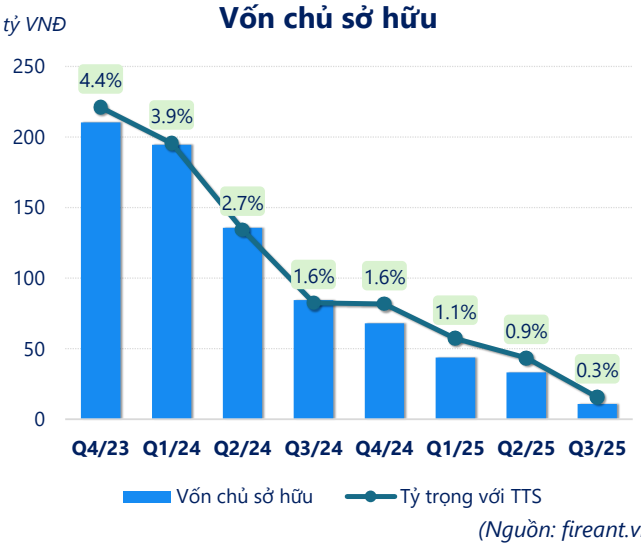
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



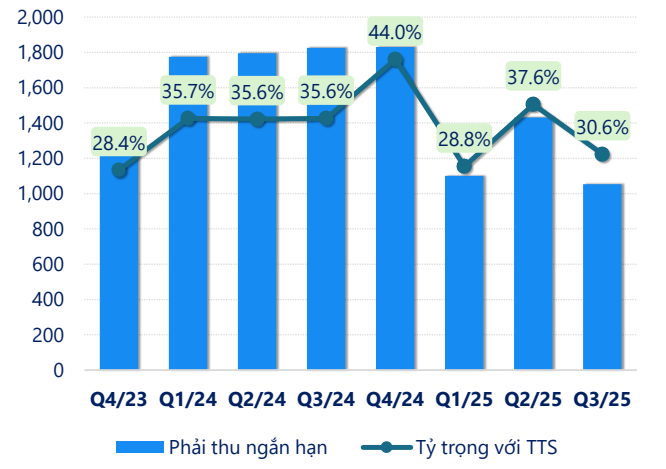
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



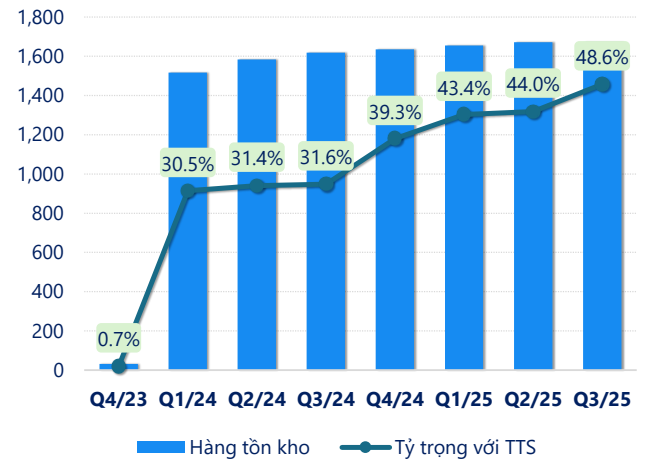
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



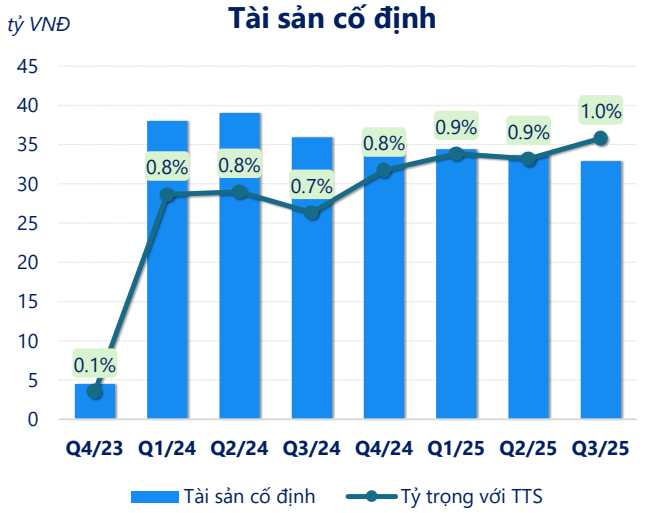
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



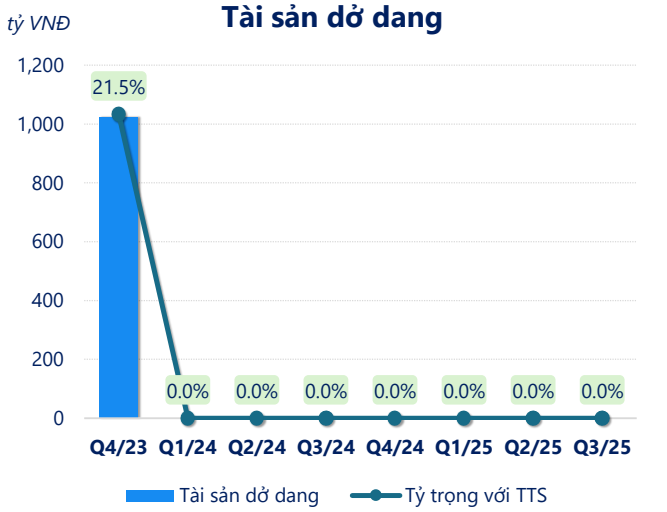
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



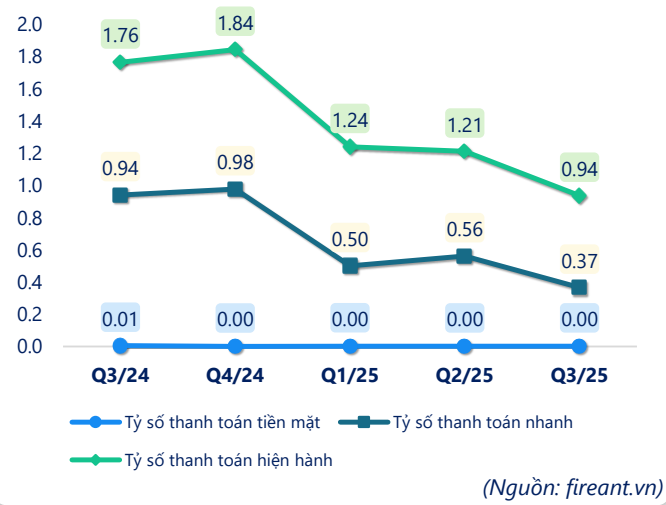
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



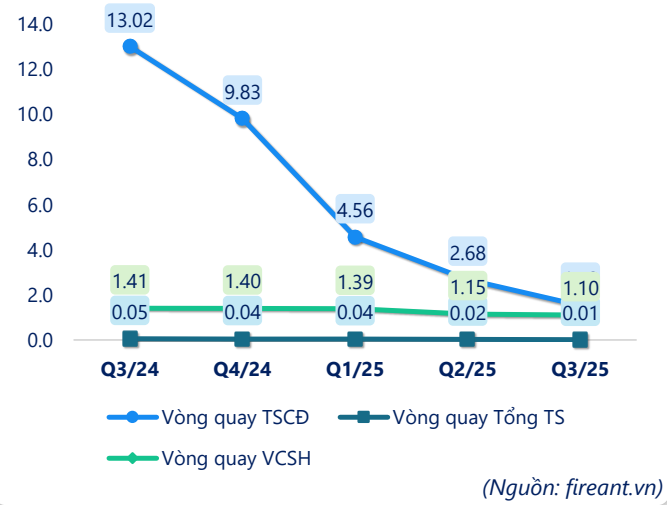
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**5,121**	**4,160**	**3,814**	**3,801**	**3,445**
Tài sản ngắn hạn	**3,467**	**3,481**	**2,776**	**3,115**	**2,748**
Tiền và tương đương tiền	11.1	1.31	5.16	3.13	4.45
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	0.29	0.29	0.29	0.29
Phải thu ngắn hạn	1,825	1,830	1,100	1,431	1,054
Hàng tồn kho	1,618	1,635	1,656	1,671	1,674
Tài sản ngắn hạn khác	13.0	13.2	14.6	10.1	15.9
Tài sản dài hạn	**1,655**	**679**	**1,038**	**686**	**697**
Phải thu dài hạn	148	148	497	145	156
Tài sản cố định	35.9	35.2	34.4	33.7	32.9
Bất động sản đầu tư	10.5	10.3	10.1	9.83	9.59
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1,004	35.0	35.3	35.0	35.0
Tài sản dài hạn khác	311	310	324	329	334
Lợi thế thương mại	146	141	137	133	129
Nợ phải trả	**5,037**	**4,092**	**3,770**	**3,768**	**3,434**
Nợ ngắn hạn	**1,965**	**1,888**	**2,238**	**2,572**	**2,932**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	309	279	272	563	625
Phải trả người bán ngắn hạn	191	152	143	129	123
Nợ dài hạn	3,072	2,204	1,532	1,196	502
Vay và nợ thuê dài hạn	2,314	1,529	1,177	874	276
Nguồn vốn chủ sở hữu	**84.5**	**67.9**	**43.6**	**33.1**	**10.7**
Vốn chủ sở hữu	**84.5**	**67.9**	**43.6**	**33.1**	**10.7**
Vốn điều lệ	380	380	380	380	380
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)